

Bản án số: 183/2024/DS-PT

Ngày: 28 - 8 - 2024

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản,
Hợp đồng ủy quyền”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Nữ Phà Ca

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Bà Huỳnh Thị Kiều Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Ngọc Quý – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông Huỳnh Văn Cường - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22, 28 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2024/TLPT-DS ngày 24 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng ủy quyền”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 20/2024/DS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo, bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 192/2024/QĐPT-DS ngày 28 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Đàm Tá O, sinh năm 1960; Địa chỉ: Số A đường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

2. Ông Phạm Hữu P, sinh năm 1959; Địa chỉ: Số A đường T, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Văn H, Địa chỉ: Số D, khóm B, phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (Giấy ủy quyền ngày 16/4/2024).

2. Ông Mai Công N, Địa chỉ: số F, đường B, Khu dân cư A, quận N, thành phố Cần Thơ. (Văn bản ủy quyền ngày 07/10/2021).

- Bị đơn:

1. Bà Võ Thị D, sinh năm 1961.

2. Ông Trần Minh T, sinh năm 1960.

Cùng địa chỉ: Tổ D, ấp H, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Thái Văn T1; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ.

2. Ông Đoàn Nhựt T2; Địa chỉ: Số E, khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Đàm Tá O, ông Phạm Hữu P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 11/10/2021 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đàm Tá O, ông Phạm Hữu P có người đại diện ông Mai Công N và ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ngày 10/12/2019, thông qua lời giới thiệu của anh Thái Văn T1 nên ông Đàm Tá O, ông Phạm Hữu P cho vợ chồng ông Trần Minh T và bà Võ Thị D vay số tiền 1.200.000.000 đồng. Trong đó, tiền ông O 600.000.000 đồng và tiền ông P 600.000.000 đồng. Việc vay tiền hai bên có lập biên nhận nợ, ông T, bà D ký tên vào biên nhận và thừa nhận đã nhận đủ tiền. Ngoài ra, lúc giao nhận tiền thì có anh Thái Văn T1 chứng kiến nên anh T1 có ký tên vào biên nhận với tư cách là người làm chứng, bảo lãnh số tiền vay trên. Biên nhận không thỏa thuận lãi suất.

Cùng ngày 10/12/2019 ông Trần Minh T và bà Võ Thị D thỏa thuận ký kết hợp đồng ủy quyền cho ông Đàm Tá O, ông Phạm Hữu P các quyền sử dụng đối

với 05 thửa đất do ông T, bà D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Thửa đất số 122, tờ bản đồ số 7, diện tích 10.433,8m², loại đất lúa; Thửa đất số 243, tờ bản đồ số 7, diện tích 3.277,2m², loại đất trồng cây lâu năm; Thửa đất số 272, tờ bản đồ số 7, diện tích 113,2m², loại đất ở; Thửa đất số 251, tờ bản đồ số 7, diện tích 162,8m², loại đất ở; Thửa đất số 252, tờ bản đồ số 7, diện tích 295m², loại đất trồng cây lâu năm. Các thửa đất trên cùng tọa lạc tại xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Mục đích hai bên thỏa thuận ủy quyền quyền sử dụng đất đối với 05 thửa đất trên nhằm đảm bảo số tiền vay 1.200.000.000 đồng.

Nay ông Đàm Tá O, ông Phạm Hữu P yêu cầu ông Trần Minh T và bà Võ Thị D trả số tiền vốn: 1.200.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi tính từ ngày 10/12/2019 đến ngày 10/3/2024 như sau: 1.200.000.000đ x 2% x 50 tháng = 1.200.000.000 đồng. Tổng vốn, lãi: 2.400.000.000 đồng, khi nào nhận đủ số tiền thì ông O, ông P sẽ trả lại 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, bà D.

Bị đơn bà Võ Thị D và ông Trần Minh T thống nhất trình bày:

Do ông T, bà D cần vốn làm ruộng và trả nợ vay nên nhờ anh Đoàn Nhựt T2 và anh Thái Văn T1 làm giấy tờ đất để vay tiền. Vào ngày 10/12/2019, anh T2, anh T1 thỏa thuận vay tiền ông O, ông P số tiền 1.200.000.000 đồng. Sau khi T2, T1 nhận tiền 1.200.000.000 đồng từ ông O, ông P thì anh T2, anh T1 đưa cho ông T, bà D vay số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận bao nhiêu không nhớ. Khi vay tiền T2, T1 có yêu cầu ông, bà ký tên vào biên nhận vay đã được viết sẵn. Ông bà thừa nhận có ký tên vào biên nhận vay tiền nhưng ông bà lớn tuổi, mắt kém không đọc lại nội dung biên nhận nên không biết biên nhận ghi gì. Ông bà thừa nhận chỉ có vay và nhận tiền của anh T1, anh T2 số tiền 300.000.000 đồng, vay không xác định thời hạn trả, khi nào cần sẽ trả.

Cùng ngày 10/12/2019 ông T, bà D có đưa cho ông P, ông O 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp và ký hợp đồng ủy quyền 05 tờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa như sau:

- 1/ Thửa đất số 122, tờ bản đồ 7, diện tích 10.433,8m², đất lúa.
- 2/ Thửa đất số 243, tờ bản đồ 7, diện tích 3.277,2m², đất cây lâu năm.
- 3/ Thửa đất số 272, tờ bản đồ 7, diện tích 113,2m², đất ở.
- 4/ Thửa đất số 251, tờ bản đồ 7, diện tích 162,8m², đất ở.

5/ Thừa đất số 252, tờ bản đồ 7, diện tích 295m², đất cây lâu năm.

Đất cùng tọa lạc tại xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long do ông Trần Minh T và bà Võ Thị D đứng tên quyền sử dụng đất.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông O, ông P thì ông T, bà D đồng ý trả cho ông P, ông O số tiền 300.000.000 đồng và số tiền lãi theo lãi suất Ngân hàng quy định. Số tiền còn lại 900.000.000 đồng không đồng ý trả theo yêu cầu của nguyên đơn. Bà D, ông T có yêu cầu phản tố về việc vô hiệu Hợp đồng ủy quyền ngày 10/12/2019 được ký kết giữa ông Trần Minh T, bà Võ Thị D ủy quyền cho ông Đàm Tá O, ông Phạm Hữu P, tại Phòng C tỉnh Vĩnh Long và yêu cầu ông O, ông P trả lại ông T, bà D 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Tại bản tường trình ngày 13/8/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thái Văn T1 trình bày:

Ông T1 có quen biết từ trước ông T, bà D. Ông T bà D cần một số tiền để trả nợ và cho con cháu làm ăn nhưng do ông T, bà D đã lớn tuổi nên không thể vay tiền ngân hàng được. Vì vậy, ông T, bà D nhờ anh T1 tìm người cho ông bà vay tiền khoảng vài tháng khi nào bán đất được ông bà sẽ trả lại. Sau đó, anh T1 giới thiệu ông O, ông P cho ông T, bà D vay tiền, hình thức vay thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 10/12/2019, tại Phòng C, thị xã B ông T, bà D ký hợp đồng ủy quyền cho ông O, ông P 05 thửa đất do ông T, bà D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin và thỏa thuận khi nào ông T, bà D trả tiền sẽ hủy hợp đồng ủy quyền. Sau khi ký hợp đồng ủy quyền cả bốn người ra quán cà phê và ông O, ông P đã giao cho bà D, ông T số tiền 1.200.000.000 đồng. Ông P viết biên nhận, sau khi bà D, ông T kiểm tiền xong. Ông P nhờ anh Tân đọc lại nội dung biên nhận cho ông T, bà D nghe. Sau đó ông T, bà D cùng ký tên vào biên nhận và ghi đã nhận đủ tiền và anh T1 ký tên vào cuối biên nhận với tư cách là người làm chứng. Sau đó, bên ông T, bà D giao cho bên O, P nhận bản chính 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bên ông O giữ. Bên ông T, bà D trả tiền công làm dịch vụ giấy tờ cho anh T1.

Tại cấp sơ thẩm anh T1 có nhận giấy triệu tập của Tòa án nhân dân thị xã B nhưng do bận công việc gia đình nên anh không đến dự phiên tòa và nêu ý kiến. Nay anh T1 cam kết những lời trình bày anh tại cấp phúc thẩm là sự thật khách quan. Anh T1 xin Tòa xét xử vắng mặt tại cấp phúc thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Nhứt T2: đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không văn bản trình bày.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2024/DS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 117; Điều 119; Điều 124; Điều 131; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự. Điều 7, Điều 48, Điều 51, Điều 52 Luật Công chứng và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đàm Tá O, ông Phạm Hữu P đối với ông Trần Minh T, bà Võ Thị D.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Minh T, bà Võ Thị D tự nguyện trả cho ông Đàm Tá O, ông Phạm Hữu P số tiền 300.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 10/12/2019 đến ngày 25/3/2024 bằng số tiền 124.500.000 đồng. Tổng cộng bằng 424.500.000 đồng (bốn trăm hai mươi bốn triệu, năm trăm ngàn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông O, ông P yêu cầu ông Trần Minh T, bà Võ Thị D trả số tiền: 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng).

Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Minh T và bà Võ Thị D:

Vô hiệu: Hợp đồng uỷ quyền ngày 10/12/2019 giữa ông Trần Minh T, bà Võ Thị D uỷ quyền cho ông Đàm Tá O, ông Phạm Hữu P, tại Phòng công chứng số B tỉnh Vĩnh Long các thửa đất: Thửa đất số 122, tờ bản đồ số 7, diện tích 10.433,8m², loại đất trồng lúa nước. Thửa đất số 243, tờ bản đồ số 7, diện tích 3.277,2m², loại đất ở + cây lâu năm. Thửa đất số 251, tờ bản đồ số 7, diện tích 162,8m², loại đất ở + cây lâu năm. Thửa đất số 252, tờ bản đồ số 7, diện tích 295m², loại đất cây lâu năm. Thửa đất số 272, tờ bản đồ số 7, diện tích 113,2m², loại đất ở + cây lâu năm.

Ông Trần Minh T, bà Võ Thị D có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí giám định, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 02 tháng 4 năm 2024, nguyên đơn ông Đàm Tá O và ông Phạm Hữu P có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông T, bà D trả cho các nguyên đơn số tiền vốn 1.200.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 10/12/2019 đến ngày xét xử phúc thẩm.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long quyết định kháng nghị số 149/QĐ-VKS-DS ngày 09/4/2024 với nội dung: Án sơ thẩm tuyên vô hiệu hợp đồng ủy quyền nhưng không tuyên buộc ông O, ông P trả lại cho ông T, bà D 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là chưa giải quyết hậu quả của việc vô hiệu. Phần quyết định bản án sơ thẩm tuyên: “Ông Trần Minh T, bà Võ Thị D có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai” là không cần thiết. Vì vậy đề nghị sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn H là người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn đồng ý hủy tư cách người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn đối với ông Mai Công N theo văn bản ủy quyền ngày 07/10/2021. Ông H yêu cầu hủy bản án sơ thẩm vì tại phiên tòa phát sinh tình tiết mới bà D, ông T thừa nhận ông bà không biết chữ tuy nhiên hợp đồng ủy quyền ngày 10/12/2019 giữa ông T, bà D với ông O, ông P tại Phòng C tỉnh Vĩnh Long thực hiện không đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật và bà D, ông T cho rằng số tiền vay 1.200.000.000 đồng ngày 10/12/2019 do anh T1, anh T2 vay của ông O, ông P và anh T2 giao lại cho ông bà nhận chỉ có 300.000.000 đồng. Do đó, cần đưa Phòng công chứng số B tỉnh Vĩnh Long vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và thu thập chứng cứ xác định anh T1, anh T2 có cùng với bà D, ông T vay số tiền 1.200.000.000 đồng của ông O, ông P.

Bị đơn bà D, ông T cho rằng ông bà không quen biết ông O, ông P. Ông bà không có vay tiền của ông O, ông P. Ngày 10/12/2019 ông T2, ông T1 vay tiền của ông O, ông P 1.200.000.000 đồng và đưa lại cho ông bà vay lại số tiền 300.000.000 đồng. Cùng ngày 10/12/2019 ông bà có đến Phòng công chứng số B tỉnh Vĩnh Long ký hợp đồng ủy quyền 5 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông O, ông P. Mục đích ký hợp đồng ủy quyền quyền sử dụng đất là để đảm bảo số tiền vay. Theo yêu cầu của T1 trước đó thỏa thuận với ông bà về việc T1 cùng ông bà vay tiền ông O, ông P số tiền 1.200.000.000 đồng. Trong đó phần T1, T2

sử dụng tiền vay 900.000.000 đồng, phần ông bà sử dụng số tiền vay 300.000.000 đồng. Việc thỏa thuận giữa T1 với ông bà không có lập thành văn bản. Ông bà sử dụng tiền vay để trả nợ tiền vay trước đó của nhiều người và ông bà không biết chữ, chỉ biết ký tên. Nay ông bà đồng ý trả tiền cho ông O, ông P tiền vốn 300.000.000 đồng và lãi 124.500.000 đồng. Tổng cộng bằng 424.500.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long và không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn ông Đàm Tá O, ông Phạm Hữu P.

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 131 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Đàm Tá O, ông Phạm Hữu P; Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã B; Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 20/2024/DS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Trần Minh T, bà Võ Thị D trả cho ông Đàm Tá O, ông Phạm Hữu P số tiền 300.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 10/12/2019 đến ngày 25/3/2024 bằng số tiền 124.500.000 đồng. Tổng cộng bằng 424.500.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông O, ông P yêu cầu ông Trần Minh T, bà Võ Thị D trả số tiền: 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng).

Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Minh T và bà Võ Thị D:

Buộc ông Đàm Tá O, ông Phạm Hữu P trả cho ông Trần Minh T, bà Võ Thị D bản chính 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Thửa đất số 122, tờ bản đồ số 7, diện tích 10.433,8m², loại đất trồng lúa nước. Thửa đất số 243, tờ bản đồ số 7, diện tích 3.277,2m², loại đất ở + cây lâu năm. Thửa đất số 251, tờ bản đồ số 7, diện tích 162,8m², loại đất ở + cây lâu năm. Thửa đất số 252, tờ bản đồ số 7,

diện tích 295m², loại đất cây lâu năm. Thửa đất số 272, tờ bản đồ số 7, diện tích 113,2m², loại đất ở + cây lâu năm.

Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm về phần vô hiệu hợp đồng ủy quyền quyền sử dụng đất lập ngày 10/12/2019 không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn H là người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn ông O, ông P thống nhất chấm dứt văn bản ủy quyền ngày 07/10/2021 đối với ông Mai Công N là người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn ông O, ông P tại cấp phúc thẩm. Căn cứ Điều 90 của Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận ông Mai Công N chấm dứt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông O, ông P tại cấp phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Nhựt T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Ông Thái Văn T1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Thái Văn T1 và ông Đoàn Nhựt T2.

[2] Phía nguyên đơn có ông Nguyễn Văn H là người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn ông O, ông P cho rằng ngày 10/12/2019 ông T, bà D có vay ông O, ông P số tiền 1.200.000.000 đồng. Vay có viết biên nhận nhận tiền và ông T, bà D trực tiếp ký tên vào biên nhận vay và đã nhận đủ số tiền 1.200.000.000 đồng. Biên nhận vay lập 01 bản chính do bên ông O, ông P giữ. Sau khi vay bên ông T, bà D không đóng lãi nên hai bên phát sinh tranh chấp. Trong quá trình khởi kiện vụ án tranh chấp hợp đồng vay tại cấp sơ thẩm ông O, ông P giao bản chính biên nhận vay tiền ngày 10/12/2019 cho người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Mai Công N để nộp theo yêu cầu của Tòa án. Tuy nhiên, trong quá trình quản lý ông N đã làm thất lạc bản chính biên nhận vay tiền ngày 10/12/2019. Vì vậy, các nguyên đơn đang yêu cầu ông N truy tìm bản chính biên nhận ngày 10/12/2019 và giao nộp cho Tòa án nhưng đến nay chưa có kết quả.

Tại cấp sơ thẩm phía nguyên đơn không thể xuất trình bản chính biên nhận vay ngày 10/12/2019 nên cấp sơ thẩm chỉ căn cứ lời thừa nhận của bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền vay 300.000.000 đồng và lãi phát sinh. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chưa thu thập ý kiến của ông Mai Công N về việc giữ, giao nộp bản chính biên nhận vay tiền ngày 10/12/2019 giữa ông O, P với ông N.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà D, ông T thừa nhận ông bà không biết chữ chỉ biết ký tên, biết viết họ và tên và ông bà thừa nhận có ký tên vào biên nhận vay tiền do ông O, ông P lập sẵn. Ngoài ra, ông T, bà D khai không thống nhất nhau về thời điểm ký tên vào biên nhận, có lúc thì bà D khai ông bà ký tên vào biên nhận vay tiền ngày 10/12/2019 tại bên ngoài Phòng công chứng trước khi nhận tiền vay, có lúc bà D khai ông bà ký tên biên nhận vay tại nhà sau thời điểm nhận tiền khoảng 05 ngày do ông O mang biên nhận đến nhà cho ông bà ký. Tại đơn yêu cầu đề ngày 01/12/2022 của bà D, ông T gửi cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã B ông T, bà D cho rằng ông bà chỉ vay số tiền 300.000.000 đồng nhưng ông O yêu cầu ông bà ký giấy nhận nợ số tiền 1.200.000.000 đồng và yêu cầu ông bà đưa 03 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài lời trình bày thì ông T, bà D không cung cấp chứng cứ khác hoặc biên nhận vay tiền thể hiện ông bà vay tiền của ông O, ông P số tiền 300.000.000 đồng. Như vậy, phía bị đơn biết họ đã ký tên vào biên nhận vay ngày 10/12/2019 của ông O, ông P số tiền 1.200.000.000 đồng.

Tuy nhiên, bị đơn cho rằng không thỏa thuận vay tiền của ông O, ông P mà các bị đơn thỏa thuận vay tiền của anh T1, anh T2 và nhận tiền vay từ anh T1, anh T2 số tiền 300.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại cấp sơ thẩm các bị đơn đồng ý trả vốn vay cho ông O, ông P số tiền 300.000.000 đồng, lãi phát sinh là 124.500.000 đồng và được cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của các bị đơn buộc các bị đơn trả cho ông O, ông P số tiền vốn, lãi tổng cộng bằng 424.500.000 đồng.

Tại cấp sơ thẩm anh T1, anh T2 vắng mặt nhưng cấp sơ thẩm chưa thu thập ý kiến anh T1, anh T2 làm rõ vì sao bị đơn cho rằng thỏa thuận vay và nhận tiền từ anh T1, anh T2 số tiền 300.000.000 đồng nhưng lại viết biên nhận nợ đối với ông O, ông P và tự nguyện trả nợ vay cho ông O, ông P, ý kiến của anh T1, anh T2 về việc bà D, ông T đồng ý trả nợ vốn, lãi cho ông O, ông P thì anh T2, anh T1 có đồng ý không.

[3] Ngoài ra, theo biên nhận vay tiền ngày 10/12/2019 thể hiện có anh Thái Văn T1 ký tên cuối biên nhận với tư cách là người làm chứng và người bảo lãnh.

Tại cấp phúc thẩm, anh T1 có bản khai thừa nhận ngày 10/12/2019, tại Phòng công chứng số B tỉnh Vĩnh Long ông T, bà D ký hợp đồng ủy quyền cho ông O, ông P 05 thửa đất do ông T, bà D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin và thỏa thuận khi nào ông T, bà D trả tiền sẽ hủy hợp đồng ủy quyền. Sau khi ký hợp đồng ủy quyền cả bốn người ra quán cà phê và ông O, ông P đã giao cho bà D, ông T số tiền 1.200.000.000 đồng. Biên nhận do ông P viết và ông P nhờ anh Tân đọc lại nội dung biên nhận cho ông T, bà D nghe. Sau đó ông T, bà D cùng ký tên vào biên nhận, ghi đã nhận đủ tiền và anh T1 ký tên vào cuối biên nhận với tư cách là người làm chứng. Ông T, bà D giao cho bên ông O, ông P giữ bản chính 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bên ông T, bà D trả tiền công làm dịch vụ giấy tờ cho anh T1.

Tại phiên tòa, bà D thừa nhận trước khi gặp ông O, ông D tại phòng công chứng giữa bà với anh T1, anh T2 có thỏa thuận nội dung: Ông T, bà D, ông T1, ông T2 sẽ vay của ông O, ông P số tiền 1.200.000.000 đồng. Trong đó, phần bà D, ông T vay số tiền 300.000.000 đồng, còn lại phần anh T2, anh T1 vay 900.000.000 đồng. Việc vay có thể chấp tài sản là 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông thế, bà D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhằm mục đích đảm bảo số tiền vay 1.200.000.000 đồng. Ông bà không quen biết ông O, ông P.

Xét tình tiết trên phát sinh tại cấp phúc thẩm nhưng chưa được cấp sơ thẩm thu thập, làm rõ đối chất giữa các đương sự gồm: thỏa thuận giữa T1, T2, ông T, bà D về số tiền vay; bà D, ông T vay tiền của ai, số tiền bao nhiêu; giữa anh T1, anh T2 với ông O, ông P thỏa thuận như thế nào về số tiền vay 1.200.000.000 đồng; ông O, ông P giao tiền cho ai; Vai trò, trách nhiệm của anh T1 về việc bảo lãnh cho bà D, ông T khi vay số tiền 1.200.000.000 đồng; Số tiền vay 1.200.000.000 đồng ngày 10/12/2019 anh T1, anh T2 có sử dụng không, bao nhiêu?

[4] Các bị đơn ông T, bà D yêu cầu vô hiệu hợp đồng ủy quyền quyền sử dụng đất lập ngày 10/12/2019 giữa ông Trần Minh T, bà Võ Thị D ủy quyền cho ông Đàm Tá O, ông Phạm Hữu P, tại Phòng công chứng số B tỉnh Vĩnh Long các thửa đất số 122, thửa đất số 243, thửa đất số 251, thửa đất số 252 và thửa đất số 272. Tại phiên tòa, bà D, ông T cho rằng bản thân ông bà không biết đọc, không biết viết và khi lập các văn bản hợp đồng ủy quyền công chứng, biên nhận vay tiền không được nghe đọc lại nên không biết nội dung các văn bản thỏa thuận văn

đề gì và các đương sự đều thừa nhận mục đích ký kết hợp đồng ủy quyền quyền sử dụng đất là nhằm đảm bảo cho việc vay tiền giữa bà D, ông T với ông O, ông P. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc vô hiệu hợp đồng ủy quyền quyền sử dụng đất ngày 10/12/2019 giữa ông Trần Minh T, bà Võ Thị D uỷ quyền cho ông Đàm Tá O, ông Phạm Hữu P. Tuy nhiên, khi giải quyết cấp sơ thẩm không đưa Phòng công chứng số 2 tỉnh Vĩnh Long vào tham gia tố tụng để thu thập ý kiến, làm rõ về những vấn đề trên và cấp sơ thẩm tuyên hợp đồng vô hiệu nhưng không xử lý hậu quả hợp đồng vô hiệu theo quy định pháp luật là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Mặt khác, trong vụ án này do nguyên đơn không cung cấp được bản chính biên nhận vay nên trong quá trình giải quyết vụ án cần xem xét đánh giá chứng cứ khác để giải quyết vụ án như: Tại phiên tòa phúc thẩm bà D, ông T thừa nhận mục đích ông bà vay tiền nhằm để trả nợ nhiều người. Khi nhận tiền vay từ anh T1, anh T2 giao thì ông bà đã dùng số tiền 300.000.000 đồng để trả tiền vay ngay cho các chủ nợ mà ông bà nợ trước đó nhưng ông bà không nhớ đã trả nợ ai, số tiền bao nhiêu. Còn người đại diện hợp pháp nguyên đơn trình bày, ngày 10/12/2019 khi giao tiền 1.200.000.000 đồng cho bà D, ông T nhận thì bên bị đơn dùng tiền vay trên để trả nợ vay cho một số người đang đợi nhận tiền. Do đó, để có căn cứ xem xét toàn diện, khách quan vụ án thì cần xác minh làm rõ các khoản nợ bà D, ông T thanh toán cùng ngày 10/12/2019 cho những ai, bao nhiêu.

Xét các tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm nhưng chưa được cấp sơ thẩm thu thập đầy đủ để xem xét, giải quyết toàn diện triệt để vụ án và các sai sót trên cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần phải hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Do đó, kháng cáo của nguyên đơn có người đại diện hợp pháp tại phiên tòa yêu cầu hủy án sơ thẩm là có căn cứ và không vượt quá phạm vi xét xử cấp phúc thẩm nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm. Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm sẽ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 20/2024/DS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long xét xử vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay, hợp đồng ủy quyền quyền sử dụng đất”, giữa nguyên đơn ông Đàm Tá O, ông Phạm Hữu P với bị đơn ông Trần Minh T, bà Võ Thị De .

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự: Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm. Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm sẽ được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- CA 01;
- TACC 01;
- VKSND TVL 02;
- TAND TX.B 01;
- VKSND TX.B 01;
- Chi Cục THADS TX.B 01;
- Đương sự 06;
- HCTP 01;
- Phòng KTNV&THA 01;
- Lưu: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Sơn Nữ Phà Ca